TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/KDTM-ST
Ngày 08 - 3 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cơ Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Nga

2. Bà Nguyễn Ngọc Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngon - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (số 172 Ông Ích Khiêm, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh), xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2021/TLST-KDTM ngày 18 tháng 02 năm 2021 về "Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Xây dựng hạ tầng giao thông XX; địa chỉ: Tầng x, tòa nhà xx, Số x Lý Chính Thắng, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông N T C, sinh năm 1996 và ông N V H, sinh năm 1992; địa chỉ: x Trần Quốc Toản, Phường xxx, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Thư ủy quyền số 80/2021/GUQ ngày 18/01/2021); ông N T C vắng mặt, ông N V H có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng phát triển NL; địa chỉ: x Lý Thường Kiệt, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông P H D L, sinh năm 1974; địa chỉ: x Cách Mạng Tháng Tám, Phường x, quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông N V H trình bày:

Công ty TNHH Xây dựng hạ tầng giao thông XX (gọi tắt là Công ty XX) và Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng phát triển NL (gọi tắt là Công ty NL) có ký kết Hợp đồng thi công số 106/HĐTC/GTSG-NL ngày 10/4/2019. Theo đó, Công ty XX đã cung cấp dịch vụ thi công công trình cải tạo một số tuyến đường tại Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty NL. Tổng giá trị hợp đồng là 206.987.500 đồng. Công ty XX đã hoàn tất công việc và hai bên đã ký kết nghiệm thu công trình. Công ty XX cũng đã xuất hóa đơn cho Công ty NL ngày 06/12/2019. Tuy nhiên, tính đến ngày trước khi khởi kiện, phía bị đơn chỉ mới thanh toán một phần công nợ (thanh toán số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 25/5/2020) và còn nợ Công ty XX số tiền gốc là 156.987.499 đồng. Do đó, Công ty XX khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty NL thanh toán số nợ còn thiếu là 156.987.499 đồng, lãi chậm thanh toán và phạt hợp đồng.

Sau khi Công ty XX khởi kiện thì ngày 01/11/2021 Công ty NL đã thanh toán thêm số tiền là 56.987.499 đồng tiền nợ gốc. Số tiền nợ gốc còn nợ lại là 100.000.000 đồng.

Do công nợ đã được đối chiếu xác nhận đã lâu nhưng Công ty NL kéo dài thời gian trả nợ và thanh toán nhỏ giọt sau khi biết Công ty XX khởi kiện nên Công ty XX đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty NL trả một lần số tiền còn nợ và buộc thanh toán tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất chậm thanh toán là 0,039%/ ngày. Như vậy, tính đến ngày xét xử 08/3/2022 thì Công ty NL phải trả cho Công ty XX số tiền như sau:

- Số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 100.000.000 đồng.

- Tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 156.987.499 đồng tính từ ngày 12/12/2019 đến ngày 01/11/2021 là 156.987.499 đồng x 690 ngày x 0,039% = 42.245.336 đồng.

- Tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 100.000.000 đồng tạm tính từ ngày 02/11/2021 đến ngày xét xử 08/3/2022 là 100.000.000 đồng x 126 ngày x 0,039% = 4.914.000 đồng.

- Tiền phạt hợp đồng theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng là 12.559.000 đồng.

Tổng cộng tạm tính đến ngày 08/3/2022 thì Công ty NL Phải thanh toán cho Công ty XX số tiền là 159.718.336 đồng; trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn là Công ty NL không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng như

thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo yêu cầu phản hồi ý kiến, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng phía bị đơn do ông P H D L đại diện theo pháp luật vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của phía bị đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện; tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định, tuy nhiên, Tòa án chậm tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, chậm đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự; thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ tranh chấp:

Giữa Công ty TNHH Xây dựng hạ tầng giao thông XX và Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng phát triển NL có ký kết Hợp đồng thi công số 106/HĐTC/GTSG-NL ngày 10/4/2019. Việc thực hiện hợp đồng giữa hai bên phát sinh tranh chấp nên Công ty TNHH Xây dựng hạ tầng giao thông XX khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng phát triển NL thanh toán nợ. Căn cứ khoản 9 Điều 3 Luật Thương mại năm 2005; khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Về thẩm quyền giải quyết:

Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng phát triển NL có địa chỉ trụ sở doanh nghiệp tại số x Lý Thường Kiệt, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông P H D L đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ lần thứ nhất nhưng tại ngày mở phiên tòa 12/01/2022 đương sự vắng mặt. Tòa án tiếp tục tống đạt giấy triệu tập lần thứ hai cho bị đơn nhưng Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng phát triển NL đóng cửa ngừng hoạt động, đồng thời Thừa phát lại không thể tìm gặp được tổ trưởng để xác nhận sự việc nên không thể niêm yết văn bản đối với bị đơn, dẫn đến phiên tòa ngày 11/02/2022 không thể tiến hành do Tòa án chưa tống đạt hợp lệ đối với bị đơn. Tòa án tiếp tục tống đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng hôm nay phía bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về việc xem xét các chứng cứ:

* Các chứng cứ, tài liệu do phía nguyên đơn giao nộp cho Tòa án bao gồm:

- Hồ sơ pháp lý của Công ty TNHH Xây dựng hạ tầng giao thông XX.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng phát triển NL.

- Bản sao Hợp đồng thi công số 106/HĐTC/GTSG-NL ngày 10/4/2019.

- Bản sao Bảng thanh toán khối lượng hoàn thành số 01/NT/2019 ngày 06/12/2019.

- Bản chụp Hóa đơn GTGT ngày 06/12/2019.

- Bản chính Thư ủy quyền số 80/2021/GUQ ngày 18/01/2021.

- Bản sao Giấy CMND của ông N T C và ông N V H.

- Bản sao kê sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của chủ tài khoản là Công ty TNHH Xây dựng hạ tầng giao thông XX do Ngân hàng Sacombank cấp ngày 07/01/2022.

* Các chứng cứ, tài liệu do phía bị đơn giao nộp cho Tòa án bao gồm:

Không có.

* Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được gồm:

- Công văn số 481/CV-HVU.KT ngày 14/5/2021 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

- Công văn số 2904/CNTPHCM-KHTH ngày 14/7/2021 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

- Công văn số 270/NHNo-KHKD ngày 18/5/2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Tòa án nhân dân Quận 11 đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải. Tại các lần tiến hành phiên họp và phiên hòa giải, các bên đương sự không có ý kiến phản đối các chứng cứ do bên kia cung cấp nên được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có bổ sung chứng cứ là bản sao kê sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của chủ tài khoản là Công ty TNHH Xây dựng hạ tầng giao thông XX do Ngân hàng Sacombank cấp ngày 07/01/2022. Do chứng cứ này được bổ sung sau khi Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nên bị đơn chưa được thông báo, tiếp cận chứng cứ nên Tòa án chỉ sử dụng làm tài liệu tham khảo, đối chiếu với các chứng cứ khác của vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

4.1. Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Nguyên đơn căn cứ Hợp đồng thi công số 106/HĐTC/GTSG-NL ngày 10/4/2019, Bảng thanh toán khối lượng hoàn thành số 01/NT/2019 ngày 06/12/2019, Hóa đơn giá trị gia tăng và bản sao kê tài khoản ngân hàng, xác định bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc còn nợ là 100.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 1 Điều 85 Luật Thương mại quy định nghĩa vụ của bên khách hàng nhận cung ứng dịch vụ như sau: "*Thanh toán tiền cung ứng dịch vụ như đã thoả thuận trong hợp đồng*".

Tại Điều 4 của Hợp đồng thi công số 106/HĐTC/GTSG-NL ngày 10/4/2019, các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán như sau: "*Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị khối lượng hoàn thành trong vòng 05 ngày kể từ ngày Bên A nhận đầy đủ hồ sơ chứng từ của bên B*".

Phía nguyên đơn đã giao nộp chứng cứ là bản sao Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 06/12/2019 do nguyên đơn xuất cho bị đơn là Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng phát triển NL và xác nhận là đã gửi trực tiếp các chứng cứ này cho bị đơn. Hai bên cũng đã lập Bảng thanh toán khối lượng hoàn thành số 01/NT/2019 ngày 06/12/2019 có ký tên đóng dấu xác nhận của người có thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có văn bản phản đối lời khai này của nguyên đơn.

Phía nguyên đơn xác nhận bị đơn đã thanh toán một phần tiền nợ gốc, còn nợ lại số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 100.000.000 đồng. Việc bị đơn có thanh toán một phần nợ được nguyên đơn cung cấp tài liệu để đối chiếu chứng minh là bản sao kê sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn do Ngân hàng Sacombank cấp ngày 07/01/2022. Bị đơn không có văn bản phản đối lời trình bày này của nguyên đơn.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền hàng còn nợ 100.000.000 đồng là có cơ sở; bị đơn không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

4.2. Xét việc nguyên đơn yêu cầu thanh toán lãi chậm trả:

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu giải quyết buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán như sau:

- Tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 156.987.499 đồng tính từ ngày 12/12/2019 đến ngày 01/11/2021 là 156.987.499 đồng x 690 ngày x 0,039% = 42.245.336 đồng.

- Tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 100.000.000 đồng tạm tính từ ngày 02/11/2021 đến ngày xét xử 08/3/2022 là 100.000.000 đồng x 126 ngày x 0,039% = 4.914.000 đồng.

Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán như sau: " *Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*.

Căn cứ Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: "*Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*".

Căn cứ theo Công văn số 1312/CV-HVU.KT ngày 14/12/2020 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cung cấp thông tin về mức lãi suất nợ quá hạn trung bình đối với doanh nghiệp là 14,7%/năm (tương đương 1,225%/ tháng hoặc tương đương 0,04%/ ngày); Công văn 270/NHNo11-KHKD ngày 18/5/2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cung cấp thông tin về mức lãi suất nợ quá hạn trung bình đối với doanh nghiệp là 13,5%/năm (tương đương 1,125%/ tháng hoặc tương đương 0,037%/ ngày); Công văn số 2904/CNTPHCM-KHTH ngày 14/7/2021 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cung cấp thông tin về mức lãi suất nợ quá hạn trung bình đối với doanh nghiệp là 14,49%/năm (tương đương 1,207%/ tháng hoặc tương đương 0,04%/ ngày). Như vậy, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 14,23%/ năm (tương đương 1,185%/ tháng hoặc tương đương 0,039%/ ngày).

Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền chậm trả theo mức lãi suất là 0,039%/ ngày là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại và Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi chậm thanh toán; bị đơn phải trả lãi chậm trả cho nguyên đơn như sau:

- Tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 156.987.499 đồng tính từ ngày 12/12/2019 đến ngày 01/11/2021 là 156.987.499 đồng x 690 ngày x 0,039% =

42.245.336 đồng.

- Tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 100.000.000 đồng tạm tính từ ngày 02/11/2021 đến ngày xét xử 08/3/2022 là 100.000.000 đồng x 126 ngày x 0,039% = 4.914.000 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi phải trả là 42.245.336 đồng + 4.914.000 đồng = 47.159.336 đồng.

4.3. Xét việc nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng:

Do bị đơn vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu giải quyết buộc bị đơn thanh toán tiền phạt hợp đồng tại thời điểm khởi kiện, theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng là 156.987.499 đồng x 690 ngày x 1% = 632.659.621 đồng. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật, số tiền phạt không được vượt quá 8% giá trị hợp đồng nên nguyên đơn xác định lại mức phạt hợp đồng được tính lại là 156.987.499 đồng x 8% = 12.559.000 đồng.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ là Bảng thanh toán khối lượng hoàn thành số 01/NT/2019 ngày 06/12/2019 và Hóa đơn GTGT ngày 06/12/2019, Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm khởi kiện, phía bị đơn đã vi phạm điều khoản về thanh toán đối với nguyên đơn.

Tại Điều 5 của Hợp đồng thi công số 106/HĐTC/GTSG-NL ngày 10/4/2019 có thỏa thuận: "*Thi công không đạt yêu cầu, trễ tiến độ và thanh toán chậm là những vi phạm phải chịu phạt. Trễ 01 ngày so với quy định phải chịu phạt 1%/ ngày tính theo giá trị hợp đồng. Tổng giá trị phạt không quá 10% giá trị hợp đồng*".

Tại Điều 301 Luật Thương mại quy định: "*Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thoả thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 của Luật này*".

Từ những lý do trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền phạt hợp đồng do vi phạm về điều khoản thanh toán, số tiền là 12.559.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:

(4.1) + (4.2) + (4.3) = 159.718.336 đồng.

4.4. Xét việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu để điều chỉnh yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ chưa thanh toán và tiền lãi chậm trả:

Quá trình khởi kiện, do bị đơn đã thanh toán một phần nợ cho nguyên đơn với số tiền nợ gốc là 56.987.499 đồng vào ngày 01/11/2021 nên phía nguyên đơn đã rút lại một phần yêu cầu để điều chỉnh yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn lại là 100.000.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 156.987.499 đồng từ ngày 12/12/2019 đến ngày 01/11/2021 và tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 100.000.000 đồng tạm tính từ ngày 02/11/2021 đến ngày xét xử 08/3/2022.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn rút một phần yêu cầu để điều chỉnh yêu cầu khởi kiện phù hợp với khoản nợ do bị đơn thanh toán một phần trong quá trình giải quyết vụ án là tự nguyện, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện; căn cứ khoản 2 Điều 71; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút.

[5] Xét ý kiến của bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng bao gồm: Giấy triệu tập, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo yêu cầu phản hồi ý kiến, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo yêu cầu phản hồi ý kiến đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét ý kiến của phía bị đơn.

[6] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã phát biểu tại phiên tòa về việc Tòa án còn có một số khuyết điểm trong quá trình giải quyết vụ án là chậm tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự, chậm đưa vụ án ra xét xử.

Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã phát biểu tại phiên tòa về việc buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn.

[7] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền là 159.718.336 đồng được Tòa án chấp nhận. Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.985.917 đồng (bảy triệu chín trăm tám mươi lăm triệu chín trăm mười bảy đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 9 Điều 3, khoản 1 Điều 85, Điều 301 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty TNHH Xây dựng hạ tầng giao thông XX về việc buộc Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng phát triển NL thanh toán nợ.

Buộc Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng phát triển NL có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Xây dựng hạ tầng giao thông XX số tiền là 159.718.336 đồng (một trăm năm mươi chín triệu bảy trăm mười tám nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng) bao gồm nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi chậm thanh toán là 47.159.336 đồng và tiền phạt hợp đồng là 12.559.000 đồng; trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn đã rút về phần nợ gốc chưa thanh toán (56.987.499 đồng) và phần tính lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả khi phía bị đơn thanh toán một phần nợ vào ngày 01/11/2021.

3. Về án phí:

Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng phát triển NL phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 7.985.917 đồng (bảy triệu chín trăm tám mươi lăm triệu chín trăm mười bảy đồng).

Hoàn lại cho Công ty TNHH Xây dựng hạ tầng giao thông XX số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.871.334 đồng (bốn triệu tám trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng) theo Biên Lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0052711 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11 ngày 03/02/2021.

4. Các quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

Trong trường hợp bản án, được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Cơ Dũng